

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2024

V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Sầm Thị Minh Khuyên.
2. Bà Trần Thanh Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thượng Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/4/2024 tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đình N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị La Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Ông La Phúc H, sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt;

3.2 Bà Đặng Thị P, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt;

3.3 Ông Hoàng Cương Q, sinh năm: 1964; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt;

3.4 Bà Hà Thị N1, sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Đình N trình bày:

Anh Hoàng Đình N và chị La Thị L kết hôn năm 2020 trong cuộc sống chung vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nên đến năm 2023 anh Hoàng Đình N làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị La Thị L. Theo Quyết định số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2023 về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã giải quyết cho anh Hoàng Đình N và chị La Thị L ly hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh N và chị L có 01 con chung là Hoàng Tiến H1, sinh ngày 19/01/2021. Tại thời điểm giải quyết ly hôn anh Hoàng Đình N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhưng vì con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, anh N và chị L thoả thuận để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Tiến H1, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ngày 31/5/2023 chị La Thị L đưa cháu H1 lên ở cùng với ông bà ngoại tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái đây là vùng đặc biệt khó khăn, cách xa trung tâm không thuận tiện đi lại và học tập. Chị La Thị L thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không quan tâm, chăm sóc cho cháu H1, cụ thể vào khoảng ngày 03/01/2024 chị La Thị L có mang cháu H1 gửi nhà bạn trai tại xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái để nuôi dưỡng rồi đi làm, giấu không cho anh N biết và người nhà của chị L phải gọi điện cho anh N báo đi đón cháu H1 về, nay chị L vẫn đi làm ăn xa bỏ cháu H1 ở nhà cho ông bà ngoại là La Phúc H và Đặng Thị P nuôi dưỡng. Đặc biệt đến nay cháu H1 vẫn chưa được đi học. Như vậy, chị La Thị L không có công việc ổn định, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu H1 không đảm bảo. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị La Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị La Thị L trình bày: Chị L nhất trí với lời trình bày của anh N về thời gian ly hôn, nội dung của quyết định ly hôn là đúng. Chị L có thừa nhận việc đưa con lên nhà bạn trai tại xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái do chị bận đi làm phục vụ tại quán ăn ở thị xã N nên gửi con nhờ nhà người yêu là Lý Minh L1 để chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L thu nhập làm phục vụ quán ăn khoảng 8.000.000 đồng/tháng hiện nay chị L đi làm công nhân ở Vĩnh Phúc thu nhập khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Chị L đi làm có gửi con lại cho bố mẹ nuôi dưỡng rất tốt, việc anh Hoàng Đình N xin thay đổi người trực tiếp nuôi con thì chị L không nhất trí để sau này con lớn cháu muốn ở cùng ai thì người đó nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng ông Hoàng Cương Q trình bày: Ông Q là bố đẻ của anh Hoàng Đình N, ông Q có sức khỏe tốt đảm bảo cho hoạt động sinh hoạt bình thường của bản thân có thu nhập bình quân là 3.000.000 đồng/tháng có thể hỗ trợ anh N chăm sóc cháu Hoàng Tiến H1. Anh N là con út trong gia đình, đang ở cùng với ông Q. Ông Q sẽ để lại tài sản gồm nhà xây cấp 4 và 1.350 m² đất rừng và ruộng của ông Q tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái cho anh N để sinh sống và nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng bà Hà Thị N1 trình bày: Bà N1 là mẹ đẻ của anh Hoàng Đình N, vào khoảng 03/01/2024 chị

La Thị L có mang con là Hoàng Tiến H1 lên gửi nhà người yêu tại xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái để đi làm, gia đình chị L thấy cháu khổ quá gọi anh N lên đón cháu H1 về, khi anh N lên đón thì người yêu của chị L không cho đón, người nhà chị L có hứa đi đón cháu về, khi cháu H1 về, bà N1 và anh N lên nhà ông L2 bà P (bố mẹ đẻ chị L) để đón cháu H1 về thì mọi người có bảo là anh N đón cháu H1 về nuôi vì ở trên này khổ quá, khi đó anh N có đón cháu H1 về nuôi 01 tuần thì chị L xuống đưa đi. Bà N1 đảm bảo sức khỏe để chăm sóc bản thân, ngoài ra còn giúp được anh N chăm sóc cháu. Thu nhập anh N đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2024 người làm chứng ông La Phúc H và bà Đặng Thị P trình bày: Chị La Thị L là con gái của ông La Phúc H với bà Đặng Thị P, vào khoảng tháng 5/2023 chị La Thị L ly hôn với anh Hoàng Đình N, chị L có đưa cháu Hoàng Tiến H1 về sinh sống cùng gia đình tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tuy nhiên chị L thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên để cháu H1 cho ông H và bà P trông nom, chăm sóc, thi thoảng mới về nhà thăm con, nay cháu H1 vẫn chưa đi học. Vào đầu tháng 01/2024 chị L có đưa cháu H1 đi đâu đó chơi ở đâu ông H và bà P không biết, đến ngày thứ 05 không thấy chị L đưa cháu H1 về gia đình có gọi cho anh N hỏi thăm xem có cháu H1 bên đó không thì anh N bảo không có, sau nay được biết chị L gửi con ở nhà anh L1 tại thôn S, xã S, huyện V để đi làm thuê. Chị L không có công việc ổn định, chỉ đi làm thuê kiếm sống, ông H và bà P không biết thu nhập cụ thể của chị L là bao nhiêu, đi làm thi thoảng có gửi đồ ăn thức uống về cho cháu H1.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2024, Trưởng thôn N, xã N cho biết: Vào khoảng tháng 5/2023 chị L ly hôn với anh Hoàng Đình N và có đưa cháu Hoàng Tiến H1 về sinh sống tại địa phương, chị L thường xuyên đi làm ăn xa nhà bỏ con ở nhà cho ông bà ngoại nuôi dưỡng, hiện nay cháu H1 vẫn chưa được đi học. Thu nhập bình quân của lao động tại địa phương là 12.000.000 đồng/ năm.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2024, tại Công an xã N cho biết: chị La Thị L và cháu Hoàng Tiến H1 có sinh sống tại địa phương nhưng vẫn chưa đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại địa phương.

Tại đơn đề nghị xác nhận thu nhập do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V xác nhận anh Hoàng Đình N ở địa phương là lao động tự do, có 02 nguồn thu nhập: Thu nhập thứ 1: Làm ruộng, với tổng diện tích đất ruộng 3.500m² cấy lúa 2 vụ lúa và thu về khoảng 3 tấn thóc/năm; Thu nhập thứ 2: Làm dịch vụ chạy xe taxi, anh N có 01 xe ô tô 7 chỗ chạy xe taxi, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2024, Phó trưởng thôn Hán, xã T cho biết: Anh Hoàng Đình N nghề nghiệp chính là chạy taxi có thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra còn có thu nhập từ làm ruộng, trồng rừng với diện tích 13.500 m² với thu nhập là 3.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay anh N đang ở chung với bố mẹ đẻ là ông Hoàng Cương Q và Hà Thị N1 ông bà đều có sức khỏe tốt, minh mẫn không phụ thuộc vào thu nhập của anh Hoàng Đình N, đảm bảo sức khỏe phụ

giúp anh N chăm sóc, giáo dục cháu H1. Anh N đủ đảm bảo về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Tiến H1.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2024, tại Công an xã T cho biết: Chị La Thị L và cháu Hoàng Tiến H1 hiện nay có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình N: Xử cho anh Hoàng Đình N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Tiến H1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2021 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chị La Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị La Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị La Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Hoàng Đình N và chị La Thị L đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Khi đó con chung Hoàng Tiến H1 chưa đủ 36 tháng tuổi, anh N và chị L thoả thuận để chị La Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Tiến H1, sinh ngày 19/01/2021, anh Hoàng Đình N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau ly hôn, ngày 31/5/2023 chị La Thị L có đưa cháu H1 về sinh sống cùng với ông La Phúc H và bà Đặng Thị P tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Ngày 11/4/2024 anh Hoàng Đình N đề nghị Tòa án giải quyết để anh N trực tiếp nuôi con.

Về điều kiện nuôi con của chị La Thị L3: Về điều kiện kinh tế, chị L không có tài sản riêng ở nhờ với ông H và bà P, không có công việc ổn định, chị L trình bày thu nhập từ làm công nhân tại tỉnh Vĩnh Phúc thu nhập khoảng 11.000.000 đồng/tháng nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh, còn thu nhập bình quân đầu người tại thôn N, xã N, huyện V khoảng 1.000.000 đồng/tháng, cho thấy chị L có thu nhập bấp bênh không đảm bảo mức sống trung bình, nhu cầu thiết yếu cho cháu H1; Về môi trường sống và việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Tiến H1: Chị L đưa cháu H1 về sinh sống tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái đây là xã khu vực III vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, là vùng núi cao đi lại không thuận tiện cách xa trung tâm xã; chị L thường xuyên đi làm ăn xa nhà phải gửi con nhiều nơi, cụ thể lúc gửi con cho ông H và bà P hoặc gửi con nhà anh L1, lúc đưa con cùng đi làm thuê tại quán ăn ở thị xã N. Đến nay cháu H1 đã hơn 03 tuổi nhưng vẫn chưa chuyển khẩu về sinh sống, tại địa phương, chưa được đi học mầm non. Cho thấy, hiện tại môi trường phát triển của cháu H1 không đảm bảo, chị L không có điều kiện về thời gian tối thiểu để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con ít quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1.

Về điều kiện nuôi con của anh Hoàng Đình N: Về điều kiện kinh tế anh N tuy chưa có nhà riêng, đang ở cùng bố mẹ để là ông Hoàng Cương Q và bà Hà Thị N1, ông Q và bà N1 hứa để lại toàn bộ tài sản cho anh N để nuôi dưỡng cháu H1, anh N thu nhập từ nghề lái taxi gia đình trung bình là 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra thu nhập từ làm ruộng, nương khoảng 3.000.000 đồng/tháng, không có người lệ thuộc. Cho thấy thu nhập anh N ổn định đảm bảo mức sống, nhu cầu thiết yếu cho cháu H1; Về môi trường sống và việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Tiến H1: Anh Hoàng Đình N sinh sống tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái có đường đi lại thuận tiện gần Ủy ban, trường học. Cho thấy nếu giao cháu Hoàng Tiến H1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng anh N sẽ quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục về mọi mặt, vật chất, tinh thần cho cháu H1 tốt hơn và sẽ đảm bảo con được trực tiếp chung sống với người nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chị La Thị L là người được giao trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Tiến H1, nhưng hiện nay chị L không đủ điều kiện kinh tế, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1 cụ thể thu nhập mỗi tháng thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi chị L đang cư trú và không có tài sản nào khác để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Chị L không có điều kiện về thời gian tối thiểu để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Hoàng Đình N có công việc ổn định, thu nhập bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu H1. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu H1, căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh Hoàng Đình N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cháu Hoàng Tiến H1 cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Anh Hoàng Đình N không yêu cầu chị La Thị L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu của anh Hoàng Đình N được chấp nhận nên anh N không phải chịu án phí. Chị La Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81; Điều 82; Điều 83; điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Giao anh Hoàng Đình N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Tiến H1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2021 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chị La Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Hoàng Đình N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trả lại cho anh N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2023/0000675 ngày 11/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái.

Chị La Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Hoàng Đình N và chị La Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;

- Lưu HS.

Trần Thành Long